

Bản án số: 137/2021/DS-PT  
Ngày: 02-02-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo  
hiểm

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hải Vân

*Các Thẩm phán:*

Bà Phạm Thị Thu Hải

Ông Trần Đức Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 01 năm 2021, ngày 26 tháng 01 năm 2021 và  
ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh  
đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2020/TLPT-DS ngày 28  
tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020  
của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6300/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng  
12 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng V; Địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh L.

*Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hoàng V:* Ông Nguyễn Như T và bà  
Võ Thị Kiều M, là đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P; Địa chỉ:  
phường P, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P: Ông  
Cao Thanh L và bà Nguyễn Thị Thu U, là đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy  
quyền ngày 06/01/2021.

Người kháng cáo: Ông Lê Hoàng V - Nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của các đương sự gồm: Ông Nguyễn Như T, bà Võ Thị Kiều M, ông Cao Thanh L và bà Nguyễn Thị Thu U có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/01/2019, ông Lê Hoàng V có mua sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P theo Hợp đồng bảo hiểm số: 80036724. Theo đó ông được hưởng các quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng bao gồm quyền lợi “tử vong và thương tật do tai nạn”. Hạn mức bảo hiểm cho quyền lợi là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Ngày 01/06/2019, ông Lê Hoàng V bị tai nạn ngoài ý muốn và cắt đi ngón một (ngón cái) và ngón hai (ngón trỏ) của bàn tay trái. Theo Giấy Chứng nhận thương tích ngày 11/06/2019 thì ông Lê Hoàng V bị “mất ngón 1 và đốt giữa ngón 2”.

Ngày 05/08/2019, ông Lê Hoàng V đã gửi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P và hồ sơ của bệnh viện đề yêu cầu chi trả. Nhưng Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P chỉ giải quyết bảo hiểm đối với đốt xa ngón 2 và hỗ trợ chi phí nằm viện tổng cộng 84.000.000 đồng.

Ngày 11/09/2019 Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P phát hành “Thư thông báo kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm” chấp nhận chi trả bổ sung nhưng chỉ chi trả đối với đốt giữa ngón 2 và đốt xa ngón 1 tổng số tiền là 280.00.000 đồng và không giải quyết với thương tật mất đốt gần ngón 1 của ông.

Trên thực tế ngón 1 và bàn tay trái của ông Lê Hoàng V đã cụt hầu như hoàn toàn và không còn khả năng lao động hay nói cách khác là không còn sử dụng được. Quyết định không chi trả bảo hiểm đối với đốt gần ngón 1 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P là đi ngược lại hoàn toàn với tính nhân đạo và vai trò của bảo hiểm.

Theo nội dung thư phúc đáp ngày 19/12/2019, của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P có nội dung: Thương tật của ngón 1 tỉ lệ là 21-25%, mất 2 đốt ngón 2 tỉ lệ 6-8% nhưng tỉ lệ thương tật của mất ngón 1 và 2 đốt ngón hai theo giám định chỉ được xác định 20% nên Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P đã từ chối chi trả.

Mặt khác, định nghĩa về thương tật bộ phận vĩnh viễn không được nêu trong Bản quy tắc gắn liền với hợp đồng bảo hiểm. Việc xác định thương tật

theo Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P phải được dựa theo tỷ lệ thương tật của Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BTBXH nhưng trong hợp đồng lại không có một điều khoản nào quy định vấn đề này. Như vậy, Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P đã chưa tuân thủ nguyên tắc trung thực tuyệt đối và chưa đúng với nguyên tắc nghề nghiệp.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ P phải chi trả thêm số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

*Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, Bị đơn trình bày:*

Căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ P đã chi trả cho ông Lê Hoàng V tổng số tiền 364.000.000 đồng. Với yêu cầu chi trả bổ sung 200.000.000 đồng của ông Lê Hoàng V Công ty Bảo hiểm Nhân thọ P không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Bị đơn trình bày:

Khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, ông Lê Hoàng V không hề kê khai bất kỳ thông tin nào về các Hợp đồng bảo hiểm mà ông Lê Hoàng V đã tham gia tại các công ty bảo hiểm nhân thọ khác. Tuy nhiên, theo thông tin xác minh của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P, trước khi tham gia bảo hiểm tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P ông Lê Hoàng V đã từng ký kết nhiều Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khác tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D. Đồng thời tại Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nộp cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P do ông Lê Hoàng V kê khai và ký tên ngày 3/8/2019, Ông Lê Hoàng V cũng đã thừa nhận việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D trước đó. Các Hợp đồng bảo hiểm mà Ông Lê Hoàng V giao kết với Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D được xác lập trước khi tham gia bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P.

Việc cố ý kê khai thông tin không trung thực, đầy đủ của ông Lê Hoàng V đã làm quy trình đánh giá, thẩm định của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P không được tiến hành một cách đúng đắn và hiệu quả, dẫn đến việc phát hành Hợp đồng bảo hiểm cho ông Lê Hoàng V không được diễn ra khách quan và minh bạch, vì vậy, Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 cần được xác định là vô hiệu theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P không có trách nhiệm chi trả số tiền là 200.000.000 VNĐ (bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn) theo yêu cầu của Ông Lê Hoàng V.

Do đó, Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P kính mong Hội đồng xét xử

xem xét và:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chi trả thêm 200.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng Bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P đồng ý sẽ hoàn trả lại khoản tiền phí bảo hiểm mà ông Lê Hoàng V đã đóng cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P (47.680.000 đồng) khi ông Lê Hoàng V có yêu cầu, đồng thời, ông Lê Hoàng V cũng cần hoàn lại khoản tiền bảo hiểm mà Ông Lê Hoàng V đã nhận trước đây là 364.000.000 đồng mà Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P đã thanh toán trước đó cho Ông Lê Hoàng V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V về việc buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chi trả thêm 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn) Theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P.

2. Đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P. Buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P hoàn trả lại khoản tiền phí bảo hiểm 47.680.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) mà ông Lê Hoàng V đã đóng theo Hợp đồng bảo hiểm số 80036724. Buộc ông Lê Hoàng V hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P khoản tiền bảo hiểm mà ông Lê Hoàng V đã nhận trước đây là 364.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tư triệu đồng chẵn).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/9/2020, Nguyên đơn, ông Lê Hoàng V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, ông Lê Hoàng V vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến

trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V. Không xem xét đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng V nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo, ông Lê Hoàng V yêu cầu sửa toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân Quận B theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chi trả thêm 200.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ xác định Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P vô hiệu nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do xác định hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P. Buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P hoàn trả lại khoản tiền phí bảo hiểm mà ông Lê Hoàng V đã đóng. Buộc ông Lê Hoàng V hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P khoản tiền bảo hiểm mà ông Lê Hoàng V đã nhận.

Xét thấy, Nguyên đơn và Bị đơn đều không có yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố đối với yêu cầu xác định hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Tuy nhiên, do việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được thực hiện đầy đủ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa phần nội dung quyết định này. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm mà chỉ sửa phần quyết định không đúng pháp luật này.

Xét Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự thì trước khi tham gia bảo hiểm tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P, Ông Lê Hoàng V đã từng ký kết nhiều Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khác tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D nhưng khi kê khai trong Đơn yêu cầu Bảo hiểm số 00095668 ngày 14/01/2019 ông Lê Hoàng V lại kê khai là “Không” đối với câu hỏi: *“Hiện nay, Ông/Bà có đang được bảo hiểm hoặc đang yêu cầu bảo hiểm ở các công ty bảo hiểm nhân thọ, kể cả Công ty CPBHNT P không? Nếu có, vui lòng liệt kê các hợp đồng bảo hiểm.”*

Như vậy, có cơ sở để xác định ông V đã cung cấp thông tin sai sự thật.

Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Kinh doanh bảo hiểm thì “bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm”.

Theo Đơn yêu cầu Bảo hiểm số 00095668 ngày 14/01/2019 và Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P thì sản phẩm bảo hiểm là tử vong và thương tật do tai nạn, bệnh hiểm nghèo. Theo Điều 5 của Hợp đồng bảo hiểm về kê khai các thông tin cần thiết thì thông tin cần thiết là thông tin về tình trạng nhân và thân sức khỏe. Do đó thông tin (các) hợp đồng liên quan không phải là các thông tin cần thiết theo quy định của hợp đồng này và cũng không liên quan đến đối tượng bảo hiểm. Việc ông V cung cấp sai thông tin (các) hợp đồng liên quan không làm cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P hiểu sai lệch về tính chất của đối tượng bảo hiểm hoặc nội dung của giao dịch giữa hai bên. Tuy ông V có cung cấp thông tin sai sự thật, nhưng thông tin sai sự thật trên không phải là yếu tố nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường nên việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 127 của Bộ luật Dân sự để xác định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu là không đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P phải chi trả thêm 200.000.000 đồng của ông Lê Hoàng V:

Căn cứ Điều 3 tại Điều khoản của quyền lợi bảo hiểm tăng cường tử vong và thương tật do tai nạn thì người được bảo hiểm bị thương tật sẽ được công ty bảo hiểm chi trả tỷ lệ phần trăm của số tiền bảo hiểm theo Phụ lục 1.

Theo Phụ lục 1 – Danh sách thương tật và tỷ lệ chi trả thì cụt đốt ngón tay cái là 10% mỗi đốt, cụt đốt ngón tay trỏ là 4% mỗi đốt.

Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P thì số tiền bảo hiểm cho tử vong và thương tật do tai nạn là 2.000.000.000 đồng.

Căn cứ kết quả X - quang và Biên bản giám định y khoa ngày 24/10/2019 của Sở y tế Tỉnh L – Hội đồng giám định y khoa thì ông V bị “Mỏm cụt đốt gần ngón 1 và đốt giữa ngón 2 bàn tay trái”. Do đó có cơ sở để xác định ông V bị cụt một phần đốt gần ngón 1.

Theo các thư thông báo kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 04/9/2019 và ngày 11/9/2019 thì Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P đã bồi thường cho ông Lê Hoàng V thương tật mất đốt xa và đốt giữa ngón 2, mất đốt xa ngón 1 bàn tay trái.

Phía Nguyên đơn cho rằng trên đốt gần ngón 1 tay trái của ông Lê Hoàng V đã cụt hầu như hoàn toàn, không còn sử dụng được. Quyết định không chi trả bảo hiểm đối với đốt gần ngón 1 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P là đi ngược lại hoàn toàn với tính nhân đạo và vai trò của bảo hiểm.

Phía Bị đơn cho rằng theo Thông tư số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 thì cụt là mất toàn bộ và tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21% đến 25%. Trường hợp của ông V vẫn còn mỏm cụt đốt gần ngón 1 và tỷ lệ thương tật của mất ngón 1 và 2 đốt ngón hai theo giám định chỉ được xác định 20% nên không đủ điều kiện để bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chi trả thêm 200.000.000 đồng của ông Lê Hoàng V.

Xét thấy theo Phụ lục 1 – danh sách thương tật và tỷ lệ chi trả thì chỉ ghi “cụt đốt ngón tay cái” mà không quy định về tỷ lệ thương tật nên việc Công ty Bảo hiểm nhân thọ P căn cứ vào Thông tư số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21% đến 25% cho việc mất (cụt) ngón cái để từ chối bồi thường là không có cơ sở. Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019 không định nghĩa rõ cụt là như thế nào và trên thực tế đốt gần ngón cái bàn tay trái của ông V chỉ còn mỏm cụt. Do đó điều khoản về cụt ngón cái trong Hợp đồng không rõ ràng nên căn cứ Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, do ông V chỉ bị cụt một phần đốt gần ngón cái bàn tay trái nên căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 17, điểm d Khoản 1 Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm xác định Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P phải bồi

thường cho ông Lê Hoàng V thương tật mất một phần đốt gần ngón cái bàn tay trái là 50% tỷ lệ chi trả cho cắt đốt ngón tay cái là 100.000.000 đồng.

Từ các nhận định trên, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V.

Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn nên Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 100.000.000 đồng không được chấp nhận là 5.000.000 đồng

Do yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 17, điểm d Khoản 1 Điều 18 Điều 19, Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ Luật Thi hành án năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

\* Tuyên xử:

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ.

2. Về nội dung:

Sửa bản án sơ thẩm số 196/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H như sau:

Không đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019 giữa ông Lê Hoàng V và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P và không giải quyết hậu quả của hợp đồng trên.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chi trả thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Hợp đồng Bảo hiểm số 80036724 ngày 14/01/2019 cho ông Lê Hoàng V.”

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng, được trừ vào 13.280.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm tám mươi



ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0032697 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Quận B Thành phố H. Ông V được nhận lại 8.280.000 (tám triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân Thọ P phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Hoàng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0032932 ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Quận B, Thành phố H.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên  
Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thu Hải**

**Trần Đức Nam**

**Lê Hải Vân**